

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2022/TLST- HNGĐ ngày 24/11/2022. Theo Thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA, ngày 20/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 6, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Myanmar. (Không có địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Phong trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị H kết hôn vào ngày 21/9/2020 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị Trần Thị H đi nước ngoài làm ăn. Do không có sự tin tưởng và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh Nguyễn Văn P và Chị Trần Thị H ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Hiện tại, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Nguyễn Văn P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị H không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho người thân của chị H và niêm yết theo quy định pháp luật nhưng chị Trần Thị H vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Mặt khác, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Hồng ở nước ngoài mà anh chỉ biết chị đang lao động tự do ở Myanmar. Vì vậy, Tòa án đã xác minh và yêu cầu ông Trần Quang C là bố ruột của chị Trần Thị H cung cấp địa chỉ của chị H cũng như yêu cầu ông thông báo cho chị Trần Thị H biết về các nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P để chị H gửi lời khai về cho Tòa án. Qua các lần xác minh, ông C cho biết hiện chị Trần Thị H đang lao động tự do ở nước ngoài và thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài như thế nào thì ông không rõ, việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh P thì chị Trần Thị H đã nắm được thông tin nhưng không trao đổi lại ý kiến gì về các nội dung liên quan đến việc ly hôn cho ông C hay gia đình được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình 2014, cụ thể:

Về tình cảm: Cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm thụ lý vụ án chị Trần Thị H lao động tự do tại Myanmar, không có địa chỉ cụ thể. Theo Công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 23554/QLXNC-P5, ngày 07/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận thông tin: Chị Trần Thị H, sinh ngày 10/11/1993, địa chỉ Thôn 6, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh và chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do có bị đơn đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Ngoài ra, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về chị Trần Thị H thông qua người thân của chị là ông Trần Quang C (Bố đẻ chị H). Qua các lần xác minh, ông C cho biết chị Trần Thị H đang lao động tự do ở nước ngoài và thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài như thế nào thì ông không rõ, việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của anh P thì ông đã thông tin lại cho chị Trần Thị H được biết. Tuy nhiên, chị Trần Thị H không trao đổi gì về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn P cho gia đình được biết. Xét thấy, việc chị Trần Thị H vẫn liên lạc về cho gia đình và biết được anh P làm đơn xin ly hôn đối với chị nhưng chị không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án nên có cơ sở xem đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án. Do đó, căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị H theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 21/9/2020 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân giữa anh P và chị H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Năm 2020, chị H đi làm ăn tại nước ngoài, kể từ thời điểm đó đến nay anh chị ít liên lạc với nhau và anh P cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở đâu. Theo anh P thì tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã lâu không liên lạc, không yêu thương, quan tâm và chia sẻ với nhau. Nay anh P nhận thấy không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa anh P và chị H không đạt được mục đích đó. Chị H biết được việc anh P yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng chị không có văn bản nêu ý kiến cũng như không trình bày quan điểm trực tiếp với Tòa án và không chấp hành yêu cầu của Tòa án. Căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, nguyện vọng của anh Phong là chính đáng, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn P, xử cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Trần Thị H để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa

án: Anh Nguyễn Văn Phong phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 2, Điều 19, Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 149 Điều 227, Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTCPC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên miễn xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000408 ngày 24/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Đức Quang

